UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Đào tạo theo học chế tín chỉ)

Tên chương trình: **Đào tạo giáo viên Trung học cơ sở**
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
Ngành đào tạo: **Sư phạm Mỹ thuật**
Loại hình đào tạo: **Chính qui**

(Ban hành theo Quyết định số 197/QĐ-CĐSP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Hiệu trưởng trường CĐSP Quảng Trị)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo giáo viên THCS trình độ cao đẳng dạy môn Mỹ thuật. Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Mỹ thuật trình độ cao đẳng phải:

- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên theo định hướng XHCN: Thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu CNXH, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm xã hội, có đạo đức tác phong người thầy giáo.

- Có đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục dạy học môn Mỹ thuật ở trường THCS, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục THCS về qui mô, chất lượng, hiệu quả phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước. Có tiềm lực để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu, vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội.

- Có thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, trung thực; tích cực, chủ động trong quá trình tự học, tự nghiên cứu, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ.

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Mỹ thuật trình độ cao đẳng còn có thể làm tốt công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ khối lượng tri thức và kĩ năng nghiệp vụ để đảm nhận các công việc: Trực tiếp giảng dạy bộ môn Mỹ thuật ở các trường THCS; Tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện các hoạt động Mỹ thuật ngoại khóa; Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các chuyên đề chuyên ngành; Tiếp tục học tập ở chương trình đào tạo bậc học cao hơn.

II. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Hệ chính quy tập trung đào tạo 3 năm gồm 6 học kỳ (thời gian chuẩn)

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 101 tín chỉ.

Trong quá trình đào tạo, có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm tải khối lượng kiến thức lí thuyết và thực hành cho phù hợp với đối tượng.

IV. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, xét, thi tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Khung thời gian đào tạo: Hệ chính quy tập trung đào tạo 3 năm gồm 6 học kỳ với tổng số đơn vị học trình của các môn học là: **101 Tín chỉ**.

5.1. Nội dung và phân phối chương trình

a/ Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31 tín chỉ

1. Giáo dục đại cương chung cho khối ngành Sư phạm: 25 tín chỉ
2. Giáo dục đại cương riêng cho ngành Sư phạm Mỹ thuật: 6 tín chỉ

b/ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 70 tín chỉ

1. Khối kiến thức nghiệp vụ chung cho khối ngành: 12 tín chỉ
2. Khối kiến thức chuyên môn ngành Sư phạm Mỹ thuật: 47 tín chỉ
3. Thực tập sư phạm: 6 tín chỉ
4. Khóa luận tốt nghiệp: 5 tín chỉ

5.2. Thực hành sư phạm

Thực hành, Thực tập sư phạm được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo dành cho sinh viên Cao đẳng sư phạm.

5.3. Tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.4. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

VI. THANG ĐIỂM:

Thang điểm dùng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên là thang điểm 10. Việc xếp loại kết quả học tập từng học kỳ được chia thành 5 mức theo thang điểm, quy định như sau:

STT	Xếp loại	Giá trị điểm
1	Giỏi	Từ 8,5 đến 10

2	Khá	Từ 7,0 đến 8,4
3	Trung bình	Từ 5,5 đến 6,9
4	Trung bình yếu	Từ 4,0 đến 5,4
5	Kém	Dưới 4,0

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1- Khối kiến thức giáo dục đại cương chung: 25 tín chỉ.

TT	*Mã học phần*	*Tên học phần*	*Số tín chỉ*	*Tỷ lệ loại giờ tín chỉ*					*HP tiên quyết (Ghi theo số TT)*
				Lên lớp			*Thực hành,TN*	*Tự học, tự NC*	
				Lý thuyết	*Bài tập*	*Thảo luận*			
1	2.05.01.001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (HP1)	**2**	24	2	4		4	
2	2.05.01.002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (HP2&3)	**3**	36	3	6		6	1
3	2.05.01.003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	**2**	24	2	4		4	2
4	2.05.01.004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	**3**	36	3	6		6	3
5	2.08.02.001	Ngoại ngữ 1: Tiếng Anh cơ sở 1	**2**	21			9	4	
6	2.08.02.002	Ngoại ngữ 2: Tiếng Anh cơ sở 2	**2**	21			9	4	5
7	2.08.02.003	Ngoại ngữ 3: Tiếng Anh chuyên ngành	**2**	21			9	4	6
8	2.06.01.001	Giáo dục Quốc phòng 1: (Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản VN)	**2**	20	2	8		4	
9	2.06.01.002	Giáo dục Quốc phòng 2: (Công tác quốc phòng an ninh)	**2**	20	2	8		4	8
10	2.06.01.003	Giáo dục Quốc phòng 3: (Quân sự chung)	**1**	8	1		8		9
11	2.06.02.001	Giáo dục thể chất 1	**1**	4	1		12		
12	2.06.02.002	Giáo dục thể chất 2	**1**	2	1		14		11
13	2.09.01.001	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành	**1**	10	1	4		2	
14	2.10.01.001	Nhà nước và pháp luật đại cương	**1**	12	1	2		2	

2- Khối kiến thức đại cương riêng ngành: 6 tín chỉ.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết (Ghi theo số TT)
				Lên lớp			Thực hành,TN	Tự học, tự NC	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
15	2.11.01.001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	**1**						
16	2.03.01.501	Nhập môn tin học	**2**	14		1	18	1	
17	2.12.02.001	Đại cương mỹ học	**1**	12	1	2		2	
18	2.02.01.001	Tiếng Việt thực hành	**1**						
19	2.12.02.003	Nghệ thuật học đại cương	**1**						

3- Khối kiến thức nghiệp vụ chung: 12 tín chỉ.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết (Ghi theo số TT)
				Lên lớp			Thực hành,TN	Tự học, tự NC	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
19	2.07.02.001	Tâm lý học đại cương	**2**	24		5		5	
20	2.07.02.002	Tâm lý học lứa tuổi – TLHSP và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	**3**	36		3	8	4	19
21	2.07.02.003	Giáo dục học đại cương	**2**	24		5		5	20
22	2.07.02.004	Hoạt động dạy học – giáo dục ở trường THCS và RLNVSP	**4**	48		6	8	6	21
23	2.07.02.005	Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	**1**	5		1	10	1	

4 - Khối kiến thức chuyên môn ngành SP Toán học (đơn ngành): 50 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết (Ghi theo số TT)
				Lên lớp			Thực hành,TN	Tự học, tự NC	
				Lý thuyết	Bài tập, TH	Thảo luận			
1	2.12.02.004	Giải phẫu tạo hình	**2**	1,5	0,5				0
2	2.12.02.005	Luật xa gần	**1**	0,6	0,4				0
3	2.12.02.006	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	**2**	1,5	0,2	0,2		0,1	0
4	2.12.02.007	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	**2**	1,5	0,2	0,2		0,1	3
5	2.12.02.008	Mỹ thuật học	**2**	1,5	0,2	0,2		0,1	4
6	2.12.02.009	Vẽ khối cơ bản và đồ vật (ĐT)	**2**	0,2	1,8				2

7		Vẽ tượng chân dung người (ĐT)	**2**	0,2	1,8				6
8	2.12.02.010	Vẽ tượng người, Vẽ chân dung người (Đen trắng)	**3**	0,3	2,7				7
9	2.12.02.011	Vẽ người Đen trắng (chì)	**2**	0,2	1,8				8
10	2.12.02.021	Vẽ tĩnh vật màu	**2**	0,2	1,8				6
11	2.12.02.012	Vẽ người (Màu:bột màu)	**2**	0,2	1,8				9,10
12	2.12.02.013	Điêu khắc	**1**	0,1	0,9				1
13	2.12.02.014	Trang trí cơ bản và nghiên cứu vốn cổ dân tộc	**3**	0,3	2,7				0
14	2.12.02.015	Trang trí ứng dụng 1	**2**	0,2	1,8				13
15	2.12.02.016	Trang trí ứng dụng 2	**2**	0,2	1,8				14
16		Trang trí ứng dụng 3	**2**	0,2	1,8				15
17	2.12.02.017	Ký họa (Đen trắng)	**2**	0,2	1,8				0
18	2.12.02.018	Ký họa (Màu)	**1**	0,1	0,7				17
19	2.12.02.019	Bố cục 1	**2**	0,2	1,8				9
20	2.12.02.020	Bố cục 2	**3**	0,3	2,7				19
21	2.07.02.013	Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật	**2**	1,7	0,1	0,2			
22	2.07.02.014	Thực hành sư phạm 1	**2**	1,5	0,2	0,2		0,1	22
23	2.07.02.015	Thực hành sư phạm 2 và RLNVTX	**2**	1,5	0,2	0,2		0,1	23

5- Thực tập sư phạm và Khóa luận tốt nghiệp: 11 tín chỉ.

TT	***Mã học phần***	***Tên học phần***	***Số tín chỉ***	***Tỷ lệ loại giờ tín chỉ***					***HP tiên quyết (Ghi theo số TT)***
				Lên lớp			***Thực hành,TN***	***Tự học, tự NC***	
				Lý thuyết	***Bài tập, TH***	***Thảo luận***			
1	2.07.02.006	Thực tập Sư phạm 1	**2**						
2	2.07.02.007	Thực tập Sư phạm 2	**4**						1
3	2.07.01.002	Khoá luận tốt nghiệp	**5**						

CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN THAY THẾ

TT	***Mã học phần***	***Tên học phần***	***Số tín chỉ***	***Tên học phần thay thế***
8	2.12.02.011	Vẽ người đen trắng (than)	**2**	Vẽ người đen trắng (chì)
10	2.12.02.012	Vẽ người (Màu, sơn dầu)	**2**	Vẽ người (Màu:bột màu)
14	2.12.02.016	Trang trí ứng dụng 4 (nâng cao)	**3**	Trang trí ứng dụng 3
18	2.12.02.020	Bố cục 3 (nâng cao)	**3**	Bố cục 2

CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết (Ghi theo số TT)
				Lên lớp			Thực hành,TN	Tự học, tự NC	
				Lý thuyết	Bài tập, TH	Thảo luận			
1		Bố cục (Chất liệu:sơn dầu), hoặc Bố cục (Chất liệu: khắc gỗ)	**3**	0,3	2,7				
2		Phương pháp phân tích tranh	**2**	1,5	0,2	0,2		0,1	

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký và đóng dấu)

TS. Lê Thị Xuân Liên